

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 16/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm. Mực nước thấp nhất xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-10cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 16/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 45cm, xuống 6cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên theo kỳ triều đầu tháng Hai Âm lịch trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong 1-2 ngày tới, sau lên nhanh.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 18/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	16/3		15/03						17/3	18/3	19/3	20/3	21/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	142	7	▲	14	▲	40	▲	144	147	151	156	161
					Hmin	-4	7	▲	2	▲	-5	▼	-9	-8	-6	-3	0
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	148	1	▲	14	▲	46	▲	150	153	158	163	170
					Hmin	-18	4	▲	3	▲	7	▲	-23	-22	-20	-17	-14
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	113	-7	▼	4	▲	12	▲	110	107	105	107	110
					Hmin	35	1	▲	0	◀▶	3	▲	32	29	26	23	19
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	155	2	▲	10	▲	47	▲	157	160	164	169	175
					Hmin	-11	2	▲	-5	▼	-6	▼	-16	-15	-13	-10	-7
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	164	3	▲	14	▲	58	▲	166	169	174	179	185
					Hmin	-14	2	▲	0	◀▶	22	▲	-19	-18	-16	-13	-10
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	152	4	▲	15	▲	46	▲	154	157	161	166	172
					Hmin	-16	2	▲	2	▲	2	▲	-21	-20	-18	-15	-12
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	47	-2	▼	10	▲	13	▲	46	45	46	48	50
					Hmin	18	1	▲	7	▲	8	▲	17	16	17	18	20
	Vĩnh Giã	200	240	280	Hmax	36	-2	▼	10	▲	11	▲	35	34	35	37	39
					Hmin	29	1	▲	9	▲	7	▲	28	27	28	29	31
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	44	-1	▼	9	▲	9	▲	43	42	43	45	47
					Hmin	40	1	▲	11	▲	11	▲	39	38	39	40	42
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	44	-2	▼	7	▲	13	▲	43	42	43	45	47
					Hmin	38	1	▲	7	▲	12	▲	37	36	37	38	40
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	53	-1	▼	8	▲	15	▲	52	51	52	54	56
					Hmin	46	1	▲	9	▲	14	▲	45	44	45	46	48
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	57	-3	▼	16	▲	21	▲	54	53	54	55	56
					Hmin	25	1	▲	8	▲	12	▲	23	21	22	23	25
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	73	-1	▼	22	▲	38	▲	70	69	70	71	72
					Hmin	51	-1	▼	14	▲	27	▲	49	47	48	49	51
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	59	-3	▼	16	▲	20	▲	56	55	56	57	58
					Hmin	48	-2	▼	13	▲	19	▲	46	44	45	46	48
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	38	-2	▼	13	▲	18	▲	36	35	36	37	38
					Hmin	26	1	▲	11	▲	13	▲	24	22	23	24	26
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	90	-4	▼	24	▲	38	▲	86	85	86	87	88
					Hmin	66	-2	▼	15	▲	30	▲	64	62	63	64	66
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	110	-5	▼	18	▲	38	▲	106	105	106	107	108
					Hmin	60	0	◀▶	13	▲	23	▲	58	56	57	58	60
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	87	-3	▼	25	▲	29	▲	85	84	85	87	89
					Hmin	54	-3	▼	16	▲	16	▲	52	50	49	50	52
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	71	-3	▼	23	▲	22	▲	69	68	69	71	73
					Hmin	49	-4	▼	13	▲	16	▲	47	45	44	45	47

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	56	-2	▼	23	▲	23	▲	54	53	54	56	58
					Hmin	37	-5	▼	14	▲	23	▲	35	33	32	33	35
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	35	-3	▼	16	▲	4	▲	32	31	30	31	32
					Hmin	7	-8	▼	5	▲	26	▲	5	3	2	3	6
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	45	-6	▼	18	▲	6	▲	49	52	57	64	72
					Hmin	-17	1	▲	10	▲	14	▲	-15	-13	-17	-20	-23

Chú thích:
 ▲ Cao hơn;
 ▼ Thấp hơn;
 ⬡ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





